

Các Khúc Quanh Lịch Sử từ Thập Niên 1940 đến 1975

Thiện Tâm (Khánh Đặng)

Trong non nửa thế kỷ từ 1940 đến 1975 lịch sử Việt-nam có rất nhiều thay đổi. Cơ lốc lịch sử lôi cuốn cả một dân tộc qua biết bao chết chóc đau thương. Những khoảng thời gian thanh bình, thịnh vượng thường chẳng kéo dài bao lâu. Nếu kể thời gian từ đầu thập niên 1940 cho đến đầu thế kỷ 21 có thể nói đã bốn thế hệ nối tiếp nhau; từ ông, cha tới con rồi cháu. Để những sự thật về các biến chuyển lịch sử có thể lưu truyền và trình bày trung thực, các thế hệ đi trước có nhiệm vụ chuyển lại cho các thế hệ sau những diễn tiến lịch sử mà chính bản thân họ hay dân tộc đã trải qua.

Trong năm 1945 đã xảy ra một nạn đói khủng khiếp tại miền Bắc do việc Quân đội Nhật ra lệnh cấm trồng lúa thay vào đó nông dân phải trồng đay, thầu dầu để cung ứng cho nhu cầu kỹ nghệ quốc phòng của Nhật. Trong khi đó, gạo trong Nam thặng dư, phải dùng thay than chạy máy điện. Gạo không thể được chuyên chở ra ngoài Bắc. Các phi cơ Đồng minh đã đánh chìm các tàu chạy từ Nam ra Bắc trong đó có những tàu chở gạo. Mặt khác, người Nhật và người Pháp thiết lập kho gạo dự trữ cho họ. Gạo trở nên khan hiếm trên thị trường khiến ngay cả những gia đình giàu có cũng không thể kiếm mua được gạo, đến nỗi phải chịu chết đói. Kết quả có hai triệu người chết đói tại châu thổ Bắc phần.

Mặt khác, chính thời gian này, các biến chuyển quan trọng dồn dập xảy tới trên quê hương Việt-nam. Khi Nhật đảo chính Pháp, chính phủ Nam triều mới được hình thành. Một chính phủ do học giả Trần trọng Kim thành lập với sự tham gia của các bậc trí thức nổi tiếng bắt đầu lo việc cứu đói và hoạch định một chương trình giáo dục mới tiến bộ dạy nhân bản mà sau này vẫn được Viet-Nam Cộng Hòa áp dụng. Chính phủ cũng yêu cầu Nhật phải trả lại Nam kỳ mà người Pháp đã tách ra làm thuộc địa.

Đối với người Pháp, Việt Nam là một thuộc địa để khai thác tài nguyên. Trong việc giáo dục, họ đào tạo số người chỉ đủ để điều hành guồng máy cai trị. Người Việt Nam không có quốc tịch Pháp không được hành nghề luật sư, không được trở thành bác sĩ mà chỉ là y sĩ Đông Dương, không thể là kỹ sư mà chỉ mang danh cán sự dù có học giỏi đến đâu. Nói về quân sự người Việt chỉ có thể ở cấp hạ sĩ quan nếu không mang Pháp tịch. Chính sự kiểm chế này đã khiến chúng ta không có các lãnh tụ có sự hiểu biết khả năng tầm vóc lớn trên quốc tế.

Vào khoảng thời gian khoảng từ 1946 đến cuối thập niên 1940 vùng duyên hải Nam định yên tĩnh vì quân đội Pháp chưa có mở cuộc hành quân đến các vùng này. Dân chúng yên ổn làm ăn vì chiến tranh chưa tới. Mao Trạch Đông chỉ hoàn toàn chiếm được Hoa Lục vào năm 1949. Cộng sản Tàu chỉ chuyển vận vũ khí cho Cộng Sản Việt Nam từ sau 1950. Dân chúng thời gian bấy giờ không có kiến thức về chính trị. Thanh niên phần lớn gia nhập Vệ quốc quân là vì yêu nước, muốn đánh đuổi ngoại xâm, không hề biết Cộng Sản là gì. Tôi còn nhớ buổi chiều mấy anh nông dân được tập tậ để đánh Tây, múa mã tấu, vừa bước vừa la như xung phong sát, cứ làm như lính tây là các cây chuối đứng im cho họ chém. Các đám con nít trên 10 tuổi được tu tập để hát và noi gương anh hùng tưởng tượng, đưa đầu vô miệng súng của quân Pháp để ngăn súng địch. Bài ca luôn được hát đề cao anh hùng thiếu nhi Kim Đồng :” *Anh Kim Đồng ơi, tụy anh qua đời, gương anh sáng ngời !*”

Dân chúng vùng duyên hải Nam Định sống thuận hòa, lưỡng giao tương kính giữa đồng bào ruột thịt. Nền kinh tế nông nghiệp như trồng lúa, làm ruộng muối rất phát đạt. Trên sông cái nối liền từ sông Hồng hà ra cửa biển có rất nhiều thuyền lớn chuyên chở hoặc đồ sành, gạo, muối... Những thuyền này rất lớn được gọi là thuyền đình. Chắc đây cũng là những chiến thuyền xa xưa của hải quân Viet Nam những thế kỷ trước. Thương thuyền chạy bằng sức gió đẩy trên những buồm lớn. Tôi vẫn nhớ cảnh chú thuyền nhân nằm hứng gió mát, bên cạnh là bà vợ chăm chỉ thêu thùa trên nóc thuyền. Từ sông cái có những sông nhỏ dẫn nước vào các làng. Bờ sông là đường trái đá xe hơi chạy được. Có nơi còn có cầu gỗ có mái che như ở bên Nhật. Nhà hai bên sông là nhà gạch. Cuộc sống ở vùng duyên hải, như huyện Quan Phương, có đời sống thoải mái. Tóm lại đây là vùng đất bồi được xây dựng bởi những người có công khẩn hoang, không hề có chuyện nạn nhân mãn. Chủ điền đã định cư từ lâu tất nhiên có nhà cửa rộng rãi, có cổng riêng đi vào và bước trên các tảng đá xanh lớn. Trong sân nhà có vườn hoa rộng rãi, có nhà kiến trúc theo kiểu tây phương, cùng nhà ngang, nhà khách. Nhà nào cũng có sân gạch lớn để phơi lúa sau các vụ gặt.

Miền duyên hải Nam định có nhiều kiến trúc cổ đẹp như cầu Ngói ở Hải Hậu và chùa Keo ở Hành Thiện. Ngoài ra còn có nhiều nhà thờ đẹp lớn. Vào khoảng 1949-1950, quân Pháp đổ bộ và hành quân vùng duyên hải. Họ đi hàng một im lặng. Không có đưng độ vì lực lượng Việt Minh đã dời lên các chiến khu. Dân chúng đứng bên đường ngó đoàn quân Pháp đủ các chủng tộc.

Sau đó các vùng quốc gia tạm được thiết lập, được gọi là vùng tề. Trong những vùng tự trị thường thường tương đối yên tĩnh. Từ năm 1951, vì các trận đánh khuấy rối của Việt-minh, dân chúng bắt đầu bỏ về thành phố để kiểm sự an toàn cho bản thân và gia đình. Tại các vùng quê quân đội quốc gia thường đóng đồn, có hàng rào phòng thủ kiên cố, không có cuộc hành quân ban đêm. Vì thế về đêm lực lượng Việt Minh lên về bắt dân vác nôi niêu soong chảo ra khu. làm náo động cả vùng và bắt dân gào to " *Ói ông đồn hỡi, Việt minh nó về*" để khùng bố tinh thần những người lính trong đơn vị mà họ chưa có khả năng tấn công.

Thành phố Nam định chỉ bắt đầu có sự hồi sinh khi có nhiều người hồi cư tuy còn nhiều đổ nát. Thành phố Nam định là nơi khai giảng khóa đầu tiên sĩ quan trừ bị . Các cậu tú mặt mũi trắng trẻo phải dời ghé nhà trường theo việc đao binh chống Cộng Sản. Thành phố Nam định còn có Trung tâm Huấn luyện Bảo Chính Đoàn, tương đương với Địa phương quân. Thành phố thỉnh thoảng lại bị Việt minh quấy phá. Có đêm họ lên vào. treo ba cái đầu người trên một thanh tre để khùng bố. Có hôm. một anh lính thiết giáp đi chơi đêm, tới dốc lò trâu ở đầu tỉnh bị Việt minh cắt cổ, kêu khóc cũng vô ích. Sáng ngày dân phố thấy đầu của anh ta còn chút da dính với thân... máu khô đóng loang lổ đây đó.

Bất an đã về vùng duyên hải Nam Định sau khi Việt Minh bắt đầu nhận các tiếp liệu quân sự dồi dào từ Trung Cộng và mở các cuộc tấn công liên tục vào các đơn vị Pháp cũng như đơn vị Quân Đội Quốc Gia tân lập. Tại vùng chưa chiếm được thì chúng khùng bố, quấy rối. Việt Minh cũng bắt đầu theo lệnh Trung Cộng để tổ chức đấu tố mượn danh là Cải Cách Ruộng Đất. Thực chất là triệt hạ những tầng lớp có tầm hiểu biết tương đối cao, cướp tài sản của dân để tập trung vào tay Đảng cộng sản. lừa dối được những nông dân chất phác tưởng rằng mình sẽ được cướp đoạt tài sản của những người giàu cho mình, cùng chia rẽ được dân chúng khiến họ trở thành công cụ của Cộng Sản.

Trong những gia đình bị cướp đoạt tài sản ruộng đất có gia đình bên ngoại tôi rất có tiếng tại miền duyên hải Nam Định. Tài sản gây dựng lương thiện bởi nhiều đời bỗng bị cướp giật trong vụ đấu tố gọi là cải cách ruộng đất. Ông Ngoại tôi bị chúng giam cầm hành hạ đến chết. đến thân xác cũng bị chôn vùi đâu đó chả bao giờ có thể thấy được nắm xương tàn. Bà ngoại tôi vốn là tiểu thư con nhà quan đã cực khổ trăm bề, chịu đói khát suốt bao nhiêu năm cố tìm cho được mộ của cụ ông rồi rút cuộc cũng đành chịu bỏ cuộc.

Về phía thành phố Nam Định. Bộ Tư lệnh của quân đội Pháp đóng tại nhà băng Đông Dương tại phố chính của thành phố. Thành phố rộng chừng hai dặm mỗi chiều. Hồi đó có rạp cinê Văn Hóa, trước đó là nhà hàng khiêu vũ của các sĩ quan Pháp. Chủ nhân rạp Văn Hóa sau cùng di cư vào Nam và mở rạp cinê Văn Hóa tại Tân định. Trường Trung Học Công lập duy nhất là Trường Nguyễn Khuyến, chỉ có dạy tới Đệ Nhất Cấp. Một trường tư thực khác là Lê Bảo Tịnh do các linh mục điều hành. Ngoài ra còn có trường Saint Thomas. Tỉnh cũng có một hai tiệm sách và tiệm thuốc tây. Bệnh viện Y tế Nam Định cũng khá lớn vào năm 1952 và nhận được một số viện trợ y tế của Mỹ . Bác sĩ Phan, trưởng ty y tế sau cùng di cư vào Nam và mở phòng khám bệnh tại đường Lê Văn Duyệt. Ngay sát trong tỉnh cũng có một hồ lớn, hồ Thuyền Cương, mà ngày cuối tuần thanh niên thường tới đó bơi lội hay tranh giải bơi thuyền. Các phố chính Paul Bert, Cửa Đông, Bến Thóc và phố Khách có các cửa tiệm ăn, thuốc bắc của người gốc Hoa.

Quê nội tôi cũng ở Nam Định. Nhớ về quê nội để nhớ những ngày cả gia tộc với các thế hệ sống chung với nhau. Cụ thân sinh của tôi đi làm công chức. lãnh lương về phải nộp cho các cụ để các cụ chi và giúp đỡ cho các người trong gia tộc có lợi tức yếu kém. Tình đại gia đình lúc bấy giờ rất vững vàng. Tôi nhớ đến các địa danh như chùa Cổ Lệ. Tôi nhớ đến làng Túc Mạc, phủ Thiên Trường là quê hương của các vua đời Trần. đã biết yêu thương dân, đoàn kết dân tộc. luôn có lòng nhân để bảo vệ giang sơn, chống lại quân ngoại xâm Mông Cổ và luôn tiết kiệm xương máu của dân.

Tại Nam Định, tôi cũng nhớ đến các nhà trí thức nổi danh như Giáo sư Vũ Quốc Thúc, Giáo sư Nguyễn Cao Hách. giáo sư Đặng Vũ Biên là những cột trụ về kinh tế, giáo dục của miền Nam. Tôi nhớ đến một tướng lãnh xuất thân từ Nam Định là phó đề đốc Đặng Cao Thăng đã đóng góp công sức bảo vệ miền Nam tự do. Đại gia đình tộc chúng tôi khi di cư vào Nam, cùng với bà con ruột thịt trong Nam là những người thuộc các thế kỷ

trước đã di cư từ Bắc vào Nam trước để tạo dựng giang sơn gấm vóc cho chúng tôi nương tựa suốt 20 năm dưới chế độ tự do. Cũng phải nói thêm về những tấm gương cao cả như Thủ Hiến Bắc Việt là ông Phạm Văn Bính có con là thiếu úy bảo chính đoàn đã hy sinh tại chiến trường miền Bắc. Đây là những tấm gương cao cả, coi đại nghĩa dân tộc trên hết, không lợi dụng xương máu dành cho những mục tiêu gian tà. Đây chỉ là một điển hình, còn biết bao gương hy sinh cao cả nữa kể sao cho hết. Chúng ta có thể nhắc đến trường hợp Bác sĩ Phan Quang Đán, phó thủ tướng thời đệ nhị Cộng Hòa. Ông có người con là Đại Úy phi công chiến đấu, đã hy sinh vì lý tưởng tự do khi máy bay của ông bị hạ trong một phi vụ oanh kích địch quân. Những sự hy sinh vô bờ bến của nhân dân miền Nam để bảo vệ tự do không thể nào kể xiết.

Gia đình chúng tôi rời Nam định lên Hà nội hai năm chót trước ngày đất nước chia đôi để có dịp yêu mến cố đô ngàn năm vạn vật thanh lịch. Người Hà nội lịch sự nhã nhặn, sạch sẽ, lễ độ, biết kính trên nhường dưới. Hà nội là biểu tượng của một nền văn hóa cao mà cha ông chúng ta đã vun trồng nhiều năm. Hà nội là nơi tất cả sinh viên cõi Đông Dương phải tới đó học Đại Học. Phải có ở Hà-nội mới cảm thấy thật sự thanh thoát lúc buổi chiều dạo mát tại Hồ Tây. Phải dạo trên Hồ Gươm, trên Gò Đống Đa để nhớ về các giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc.

Tết năm 1954, dân Hà nội vẫn được hưởng một cái Tết nhộn nhịp vui vẻ. Hồ gươm hay đền Quan thánh thuộc hồ Tây nhộn nhịp khách lễ Tết. Sáng ngày mùng năm Tết leo xe điện để viếng thăm Gò Đống Đa và nhớ ơn anh hùng Nguyễn Huệ đã đánh đuổi quân Mãn Thanh ra khỏi nước. Tôi vẫn nhớ đến đền thờ Hai Bà Trưng, nhớ cầu Thê Húc, nhớ Tháp Rùa thiêng liêng. Đa số dân Hà nội không thể nghĩ đây là cái Tết sau cùng ở Hà nội trước khi vĩnh viễn xa lìa Hà Thành yêu dấu. Hà nội là nơi mà cả dân tộc có thể hãnh diện về sự thanh lịch cao sang, với một nền văn minh, lịch sử rạng rỡ. Miền Bắc cũng là cái nôi của dân tộc, không phải thuộc riêng ai.

Đầu năm 1954, quốc trưởng Bảo Đại ra thăm Hanoi. Học sinh được nghỉ học để chào mừng. Nhân dịp này có cuộc duyệt binh của Quân Đội Quốc Gia. Người dân phàn nàn vì trên các xe vận tải quân sự vẫn còn thấp thoáng mấy hạ sĩ quan người Pháp. Ông Tây vẫn còn muốn bám víu vào Việt nam. Tôi thấy Quốc trưởng Bảo Đại giữ tư cách một nguyên thủ quốc gia. Các tướng lãnh Pháp và Việt đi sau ông. Ông mặc bộ âu phục màu trắng, đeo kính mát, đi chững chạc uy nghi.

Tháng tám năm 1954 chúng tôi phải rời Hà Nội, rời miền Bắc. cái nôi của dân tộc để vào Nam - miền đất sau cùng của tự do--quây quần với đồng bào ruột thịt trong tình thiêng liêng của dân tộc để rời cuối cùng đã phải dứt ruột rời quê hương để đến các xứ xa xôi nhưng có tự do, có tình người.